

Châu Thành, ngày 02 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 490/2021/TLST - VDS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Hồ Văn Mười B, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: ấp Q, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Võ Thị T, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Hồ Văn Mười B và bà Võ Thị T kết hôn vào năm 1996, hôn nhân do ông bà tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/10/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà có bất đồng về quan điểm, tính tình không phù hợp, thiếu sự quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống vợ chồng mất dần hạnh phúc. Từ tháng 9 năm 2016 đến nay, chúng tôi đã sống ly thân. Đến nay, ông B và bà T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên ông bà cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho ông B và bà T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông B và bà T không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[2] Về con chung: Ông B và bà T có 01 con chung là Hồ Thanh B, sinh năm 1996, con chung đã trưởng thành và có công việc ổn định nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông B và bà T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn Mười B và bà Võ Thị T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Hồ Thanh B, sinh năm 1996; con chung đã trưởng thành và có công việc ổn định nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông B và bà T phải chịu nhưng cả hai thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001110 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- UBND xã **P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.**
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền